

Số: 06/2023/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 12/2023/VDS-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, phân chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh La Văn L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản Q, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. **Nơi làm việc: Tiểu khu 3, xã R, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.**

- Chị La Thị K, sinh năm 1996. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Q, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh La Văn L và chị La Thị K kết hôn với nhau từ năm 2013 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 09/12/2013. Anh L cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, trong cuộc sống có va chạm, sung đột nhưng vợ chồng không tin tưởng nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị K cho rằng mâu thuẫn là do anh chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh L thường xuyên uống rượu về đánh chị, nhảm tin cho người khác. Nay anh chị xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị K và anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị K và anh L.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị có 02 con chung là cháu La Văn S, sinh ngày 22/12/2013 và cháu La Thị N, sinh ngày 15/12/2014. Anh chị thống nhất chị La Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Văn S đủ tuổi trưởng thành. Anh La Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Thị N đủ tuổi trưởng thành, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu N có nguyện vọng ở cùng bố, cháu Sơn có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Xét thấy, thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của chị K và anh L là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và ý kiến của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị K và anh L xác nhận đã tự thỏa thuận xong và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp, anh chị được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị La Thị K và anh La Văn L xin miễn toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn do anh chị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn **ngày 12 tháng 10 năm 2023** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh La Văn L và chị La Thị K thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị K có 02 con chung là cháu La Văn S, sinh ngày 22/12/2013 và cháu La Thị N, sinh ngày 15/12/2014. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị La Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Văn S đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh La Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Thị N đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị K và anh L được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Anh L và chị K thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung, do đó Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị La Thị K và anh La Văn L được miễn toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, phân chia tài sản khi ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã **Y**, huyện **Yên Châu**;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tềnh